

BÁO CÁO
Kết quả thống kê đất đai năm 2016

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường về việc thống kê đất đai. UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2016 như sau:

I. Tình hình tổ chức thực hiện

UBND tỉnh Thái Nguyên đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai chỉ đạo các huyện, thành phố, thị xã thực hiện thống kê đất đai.

II. Nguồn số liệu, tài liệu, hản đồ tiến hành thống kê

Xã, phường, thị trấn là đơn vị cơ bản tiến hành thống kê đất đai trên cơ sở số liệu được thu thập từ các nguồn sau:

- Số liệu, tài liệu thống kê đất đai năm 2015:
- + Sử dụng biểu thống kê đất đai năm 2015.
- Về hồ sơ địa chính:
 - + Sổ theo dõi biến động đất đai;
 - + Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
 - + Các tài liệu liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai như: Quyết định giao đất, cho thuê đất của nhà nước, chuyển mục đích sử dụng đất, trích lục - trích đo bản đồ địa chính.

III. Đánh giá chất lượng nguồn tài liệu, số liệu thu thập

Tài liệu nguồn để thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2016 là hệ thống biểu thống kê đất đai năm 2015 đã được nghiệm thu đạt chất lượng theo quy định.

Các loại tài liệu phục vụ cập nhật chỉnh lý bao gồm: Hồ sơ địa chính, các hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai. Riêng đối với huyện Định Hóa do đã có cơ sở dữ liệu địa chính nên tài liệu phục vụ công tác thống kê đất đai được sử dụng là cơ sở dữ liệu địa chính.

Như vậy các tài liệu thu thập để phục vụ thống kê đất đai của tỉnh đảm bảo độ tin cậy, có cơ sở pháp lý do các tài liệu đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Các tài liệu trước khi sử dụng đều được kiểm tra, đánh giá so với mục đích, yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo đủ điều kiện mới đưa vào thực hiện.

IV. Kết quả thống kê đất đai năm 2016

1. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu thống kê

1.1. Chỉ tiêu thống kê đất đai về loại đất, đối tượng sử dụng đất

Tỉnh Thái Nguyên có tổng diện tích tự nhiên theo địa giới hành chính theo kết quả thống kê đất đai năm 2016 là 352.664 ha. Cơ cấu các loại đất như sau:

1.1.1. Đất nông nghiệp.

Tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp là 303.235 ha chiếm 85,98% tổng diện tích tự nhiên trong đó:

*** Đất sản xuất nông nghiệp.**

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 112.453ha chiếm 31,89% tổng diện tích đất tự nhiên, bao gồm:

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm là 61.389 ha (trong đó: đất trồng lúa 45.067 ha; đất trồng cây hàng năm khác là 16.322 ha), chiếm 17,41% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất trồng cây lâu năm là 51.064 ha, chiếm 14,48% tổng diện tích tự nhiên.

Phân bổ cho các đối tượng quản lý và sử dụng như sau: Hộ gia đình cá nhân trong nước: 111.580 ha; Tổ chức kinh tế sử dụng: 726 ha; Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 103 ha; UBND cấp xã quản lý: 32 ha; Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: 12ha.

*** Đất lâm nghiệp.**

Tổng diện tích đất lâm nghiệp là 185.922ha chiếm 52,72% so với tổng diện tích đất tự nhiên bao gồm:

- Đất rừng sản xuất là 109.717 ha, chiếm 31.11% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất rừng phòng hộ là 36.846 ha, chiếm 10,45% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất rừng đặc dụng là 39.359, chiếm 11,16% tổng diện tích tự nhiên.

Phân bổ cho các đối tượng quản lý và sử dụng như sau: Hộ gia đình cá nhân trong nước: 108.160 ha; Tổ chức kinh tế sử dụng: 8.437 ha; Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 52.990 ha; UBND cấp xã quản lý: 8.493ha; Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: 7.842ha.

*** Đất nuôi trồng thủy sản.**

Tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 4.641 ha, chiếm 1,32% tổng diện tích đất tự nhiên.

Phân bổ cho các đối tượng quản lý và sử dụng như sau: Hộ gia đình cá nhân trong nước: 4.481 ha; Tổ chức kinh tế sử dụng: 43 ha; Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 35 ha; Tổ chức sử dụng nghiệp công: 2 ha; UBND cấp xã quản lý: 81ha.

** Đất nông nghiệp khác*

Tổng diện tích đất nông nghiệp khác là 219 ha, chiếm 0,06% tổng diện tích đất tự nhiên.

Phân bổ cho các đối tượng quản lý và sử dụng như sau: Hộ gia đình cá nhân trong nước: 97 ha; Tổ chức kinh tế sử dụng: 79 ha; Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 43 ha; UBND cấp xã quản lý: 1 ha.

1.1.2. Đất phi nông nghiệp.

Tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp: 44.649 ha, chiếm 12,66% tổng diện tích tự nhiên trong đó:

** Đất ở.*

Tổng diện tích đất ở là 12.135 ha, chiếm 3,44% tổng diện tích đất tự nhiên bao gồm:

- Diện tích đất ở tại nông thôn là 9.907 ha, chiếm 2,81% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Diện tích đất ở tại đô thị là 2.228ha chiếm 0,63% tổng diện tích đất tự nhiên.

Phân bổ cho các đối tượng quản lý và sử dụng như sau: Hộ gia đình cá nhân trong nước: 12.025 ha; Tổ chức kinh tế sử dụng: 90 ha; cơ quan đơn vị của nhà nước: 14ha; UBND cấp xã quản lý: 5 ha.

** Đất chuyên dùng.*

Tổng diện tích đất chuyên dùng là 22.230 ha, chiếm 6,30% tổng diện tích đất tự nhiên bao gồm:

- Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 143 ha chiếm 0.04%.

- Diện tích đất Quốc phòng là 3.473 ha, chiếm 0,98 % tổng diện tích tự nhiên.

- Diện tích đất An ninh là 479 ha, chiếm 0,14% tổng diện tích tự nhiên.

- Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp là 1.234 ha, chiếm 0,35% tổng diện tích tự nhiên.

- Diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 5.093 ha, chiếm 1,44% tổng diện tích tự nhiên.

- Diện tích đất có mục đích công cộng là 11.808 ha, chiếm 3,35 % tổng diện tích tự nhiên.

Phân bổ cho các đối tượng quản lý và sử dụng như sau: Hộ gia đình cá nhân trong nước: 145 ha; Tổ chức kinh tế sử dụng: 4.915 ha; Cơ quan, đơn vị

của Nhà nước: 4.586 ha; Tổ chức sử dụng nghiệp công lập: 923 ha; Tổ chức khác: 7 ha; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 319 ha; Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng: 200 ha; UBND cấp xã quản lý: 8.933 ha; Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: 2.200 ha.

** Đất cơ sở tôn giáo.*

Tổng diện tích đất cơ sở tôn giáo trên địa bàn toàn tỉnh là 79 ha chiếm 0.02% tổng diện tích tự nhiên.

** Đất cơ sở tín ngưỡng.*

Tổng diện tích đất tín ngưỡng trên địa bàn toàn tỉnh là 68 ha chiếm 0.02% tổng diện tích tự nhiên.

** Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ.*

Tổng diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa là 813 ha, chiếm 0,23% tổng diện tích đất tự nhiên.

Phân bổ cho các đối tượng quản lý và sử dụng như sau: Tổ chức kinh tế sử dụng 68ha; Cơ quan, đơn vị của Nhà nước 741 ha. UBND cấp xã quản lý 5ha

** Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối.*

Tổng diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 5.651 ha, chiếm 1,60% tổng diện tích đất tự nhiên.

Phân bổ cho các đối tượng quản lý và sử dụng như sau: UBND cấp xã quản lý: 1.208 ha; Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: 4.443 ha.

** Đất có mặt nước chuyên dùng.*

Tổng diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 3.662 ha, chiếm 1,04% tổng diện tích đất tự nhiên.

Phân bổ cho các đối tượng quản lý và sử dụng như sau: Tổ chức kinh tế sử dụng: 1.747 ha; Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 244 ha; UBND cấp xã quản lý: 858 ha; Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: 813 ha.

** Đất phi nông nghiệp khác.*

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp khác là 12ha. Phân bổ cho các đối tượng quản lý và sử dụng như sau: Hộ gia đình cá nhân trong nước: 8ha; Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 1ha; UBND cấp xã quản lý: 2ha.

1.1.3. Đất chưa sử dụng.

Tổng diện tích nhóm đất chưa sử dụng là 4.780 ha, chiếm 1,36% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất bằng chưa sử dụng.

Tổng diện tích đất bằng chưa sử dụng là 1.084 ha, chiếm 0,31% so với tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất đồi núi chưa sử dụng

Tổng diện tích đất đồi núi chưa sử dụng là 1.534 ha, chiếm 0,44% so với tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất núi đá không có rừng cây.

Tổng diện tích đất núi đá không có rừng cây là 2.162 ha, chiếm 0,61% so với tổng diện tích đất tự nhiên.

1.2. Phân tích, đánh giá tình hình biến động và phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất giữa kỳ thống kê năm 2016 với kỳ thống kê đất đai 2015

Tổng diện tích tự nhiên tỉnh Thái Nguyên theo số liệu thống kê đất đai năm 2015 là 352.664 ha, theo số liệu thống kê đất đai năm 2016 là 352.664 ha. Diện tích tự nhiên của tỉnh không thay đổi do không có thay đổi về địa giới hành chính cấp tỉnh.

Cụ thể biến động trong các nhóm đất như sau:

1.2.1. Đất nông nghiệp.

Tính từ kỳ thống kê đất đai năm 2015 đến nay tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giảm 438 ha; cụ thể do các nguyên nhân như sau:

a) Đất sản xuất nông nghiệp giảm 344 ha,

- Đất trồng cây hàng năm giảm 231 ha, trong đó:

+ *Đất trồng lúa giảm 186 ha*

+ *Đất trồng cây hàng năm khác giảm 46 ha*

- *Đất trồng cây lâu năm giảm 112 ha*

b) Đất lâm nghiệp giảm 100 ha, trong đó:

- Đất rừng sản xuất giảm 95 ha;

- Đất rừng phòng hộ giảm 5 ha;

c, Đất nuôi trồng thủy sản

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản theo số liệu thống kê đất đai năm 2016 là 4.641 ha giảm 9ha so với năm 2015.

1.2.2. Đất phi nông nghiệp.

Diện tích đất phi nông nghiệp theo số liệu thống kê đất đai năm 2016 là 44.649 ha tăng 440 ha so với năm 2015, trong đó:

a) Đất ở tăng 214 ha, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn tăng 160 ha:

- Đất ở tại đô thị tăng 54 ha

b) Đất chuyên dùng tăng 210 ha, trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 2ha
- Đất quốc phòng tăng 44 ha.
- Đất An ninh tăng 3ha
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp tăng 6 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tăng 75 ha.
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng tăng 79 ha.

c) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 3 ha.

d) Đất có mặt nước chuyên dùng giảm 12 ha.

1.2.3. Đất chưa sử dụng.

Diện tích đất chưa sử dụng theo số liệu thống kê đất đai năm 2016 là 4.780 ha giảm 1 ha so với năm 2015 trong đó:

- Đất bằng chưa sử dụng giảm 1 ha.

1.3. Chỉ tiêu kiểm kê tổng diện tích của đơn vị hành chính

Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Thái Nguyên là 352.664ha bao gồm 9 đơn vị hành chính cấp huyện (6 huyện, 2 thành phố và 1 thị xã) với tổng số 180 đơn vị hành chính cấp xã (141 xã, 29 phường và 11 thị trấn), trong đó:

- Thành phố Thái Nguyên: 17.053ha chiếm 4,84% tổng diện tích đất tự nhiên toàn Tỉnh;

- Thành phố Sông Công : 9.671ha chiếm 2,74% tổng diện tích đất tự nhiên toàn Tỉnh;

- Huyện Định Hóa: 51.352 ha chiếm 14,56% tổng diện tích đất tự nhiên toàn Tỉnh;

- Huyện Phú Lương: 36.762 ha chiếm 10,42% tổng diện tích đất tự nhiên toàn Tỉnh;

- Huyện Đồng Hỷ: 45.440 ha chiếm 12,88% tổng diện tích đất tự nhiên toàn Tỉnh;

- Huyện Võ Nhai: 83.943 ha chiếm 23,80% tổng diện tích đất tự nhiên toàn Tỉnh;

- Huyện Đại Từ: 57.335 ha chiếm 16,26% tổng diện tích đất tự nhiên toàn Tỉnh;

- Thị xã Phổ Yên: 25.889 ha chiếm 7,35% tổng diện tích đất tự nhiên toàn Tỉnh;

- Huyện Phú Bình: 25.220 ha chiếm 7,15% tổng diện tích đất tự nhiên toàn Tỉnh;

2. Tình hình sử dụng đất theo quyết định được giao, thuê đất được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện

Trong năm 2016, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tích cực, chủ động chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Sở đã có nhiều văn bản gửi UBND các huyện, thành phố, thị xã về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện các công trình, dự án của các địa phương. Sở cũng đã thực hiện việc rà soát hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng của các huyện, thành phố, thị xã để trình UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Nhìn chung, trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên diện tích đất đã được giao, thuê, cho phép chuyển mục đích được các sử dụng đất triển khai thực hiện tốt, phát huy được hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

3. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Kết quả thực hiện được 629 công trình, dự án, với diện tích 1.321,75 ha, đạt 40,71 % so với kế hoạch được phê duyệt, kết quả thực hiện đạt tỷ lệ chưa cao. Tuy kết quả thực hiện năm 2016 đạt tỷ lệ chưa cao nhưng đã có nhiều chuyển biến rõ rệt theo hướng tích cực, tỷ lệ đạt cao hơn so với các năm trước (*năm 2014 đạt tỷ lệ 27,80 %; năm 2015 đạt tỷ lệ 20,37 %*).

Nguyên nhân kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2016 chưa cao:

- Các địa phương chưa có kế hoạch vốn, chưa xác định được khả năng, năng lực tài chính của chủ đầu tư nhưng vẫn đăng ký nhu cầu sử dụng đất cao.

- Việc thẩm định, đánh giá chấp thuận chủ trương đầu tư chưa sát thực tế, chưa đánh giá được năng lực tài chính dẫn đến các dự án không thuộc vốn ngân sách nhà nước sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc được cấp giấy phép khai thác khoáng sản chưa bố trí được nguồn vốn để triển khai thực hiện. Ví dụ một số dự án điển hình đăng ký diện tích lớn nhưng chưa thực hiện như: Dự án đầu tư và phát triển cây nông nghiệp tại huyện Phú Bình với diện tích 55,30 ha; Sân golf Yên Bình tại huyện Phú Bình với diện tích 180 ha; Dự án Khu nông nghiệp kỹ thuật cao agropark tại huyện Phú Bình với diện tích 30 ha; Khu công nghiệp Điềm Thụy (*phần diện tích 170 ha*) tại huyện Phú Bình với diện tích 31,50 ha; Dự án khu đô thị An Phú tại thành phố Thái Nguyên với diện tích 49,10 ha; Cụm công nghiệp xã Bá Xuyên (*giai đoạn 1*) tại thành phố Sông Công với diện tích 48,50 ha; Khu công nghiệp Sông Công 2 (*giai đoạn 1*) tại thành phố Sông Công với diện tích 100 ha; Khu nhà ở xã hội, trung tâm thương mại, nhà ở cao cấp Hồng Long tại thị xã Phổ Yên với diện tích 29 ha...

- Các cấp, các ngành chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành, mặc dù Chính phủ đã kịp thời ban hành các Nghị định nhưng vẫn còn nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện (Đối với các dự án trước đây áp dụng hình thức thu hồi đất nhưng nay theo Luật Đất đai 2013 thì phải thỏa thuận nhận chuyển nhượng với chủ sử dụng đất nằm trong vùng dự án, có nhiều trường hợp nhà đầu tư không đạt được thỏa thuận vì giá chuyển nhượng của chủ sử dụng đất đưa ra quá cao hoặc đối với các dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất mà người dân chưa đồng thuận với chế độ chính sách dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng).

- Tiến độ giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm, nguyên nhân từ việc chưa bố trí các khu tái định cư để di chuyển chỗ ở cho các hộ dân có đất bị thu hồi.

IV. KẾT LUẬN

Công tác thống kê đất đai năm 2016 đã được triển khai thực hiện theo đúng trình tự, quy định và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Qua công tác thống kê đất đai năm 2016 đã giúp tinh xác định được chính xác số lượng đối tượng sử dụng đất, công tác đo đạc bản đồ địa chính, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác quản lý đất của các cấp chính quyền từ đó có những biện pháp cụ thể đưa công tác quản lý đất đai đi vào nền nếp có hiệu quả. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - TT. Tỉnh ủy;
 - TT.HĐND tỉnh;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Sở TN&MT;
 - Cục Thống kê tỉnh;
 - Công thông tin điện tử tỉnh;
 - LĐVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, TH, CNN.
- DAT. BC. 03/4. 20b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ ĐẦU TÍNH THƯỜNG TRỰC



Nhữ Văn Tâm